

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Sữa Quốc Tế

Ngày
15/01/2024

255,000 VNĐ

Thay đổi

1 tháng

3 tháng

6 tháng

5.5%

17.7%

8.7%

DT thuần
Q4/23

1,677

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 31.0 | 1.9%

YoY: ▲ 5.00 | 0.3%

LN thuần
Q4/23

278

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 45.0 | -13.9%

YoY: ▲ 127 | 84.1%

LN sau thuế
Q4/23

186

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 69.0 | -26.9%

YoY: ▲ 20.0 | 12.3%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023

18.0%

YoY: +/- ▲ 1.2%

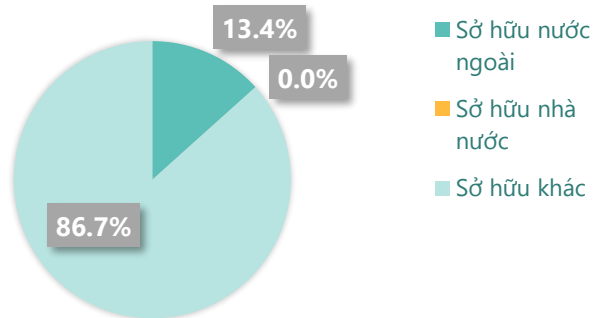
ROE
2023

36.9%

YoY: +/- ▼ 14.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	157,567 - 309,237
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,644
Số lượng CPLH (CP)	61,350,472
KLGD BQ 20 phiên (CP)	270
Sở hữu nước ngoài	13.4%
Beta	1.27
EPS	14,573
P/E	16.8

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

DT thuần
2023

6,655

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 569 | 9.3%

LN thuần
2023

1,165

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 174 | 17.6%

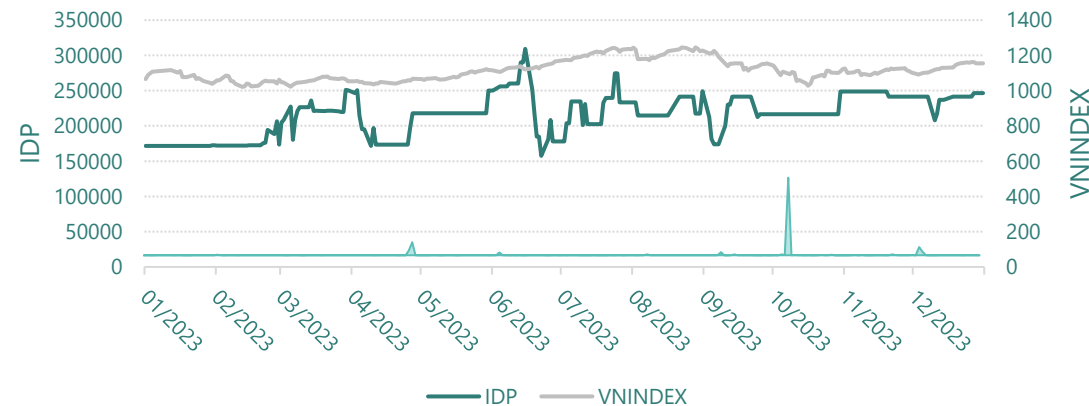
LN sau thuế
2023

894

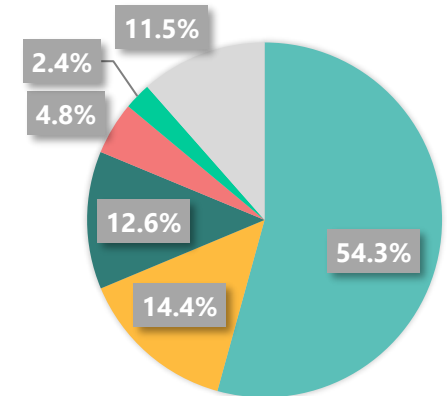
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 84.0 | 10.3%

Lịch sử giá



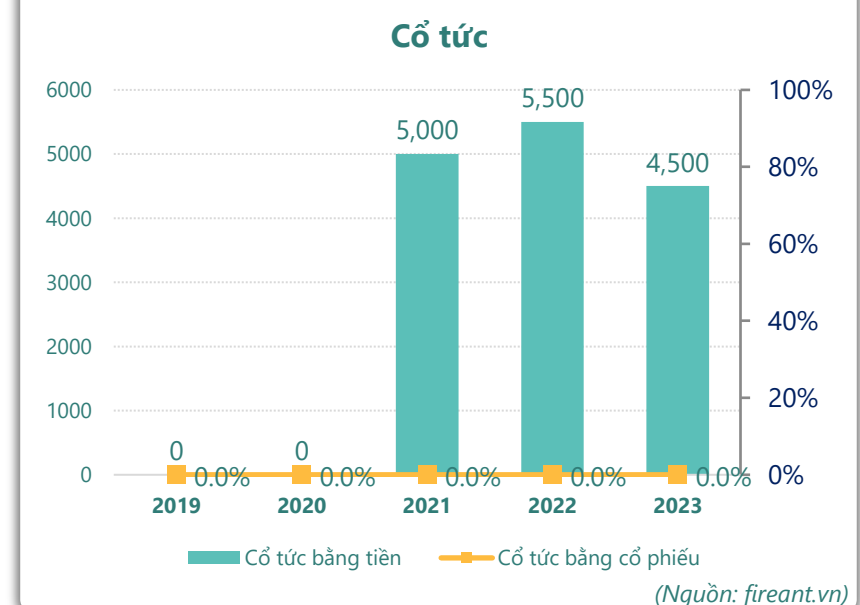
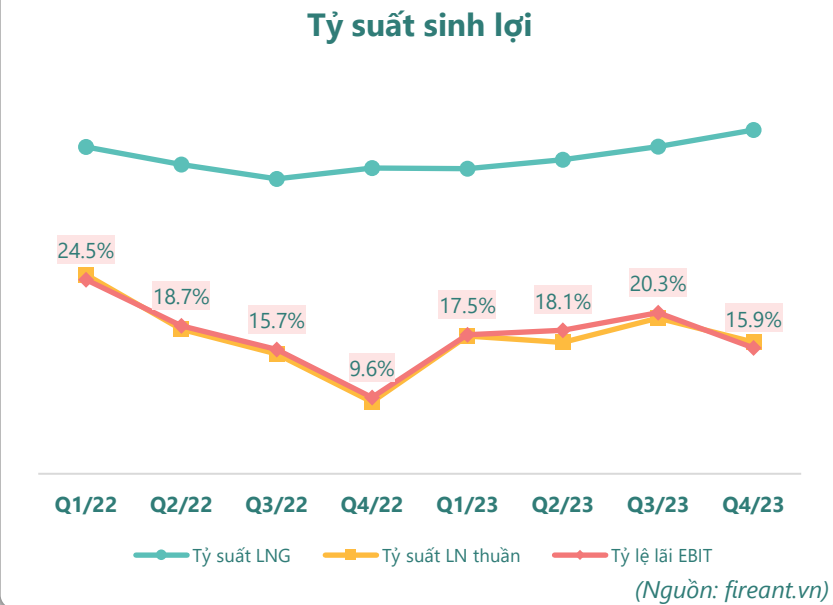
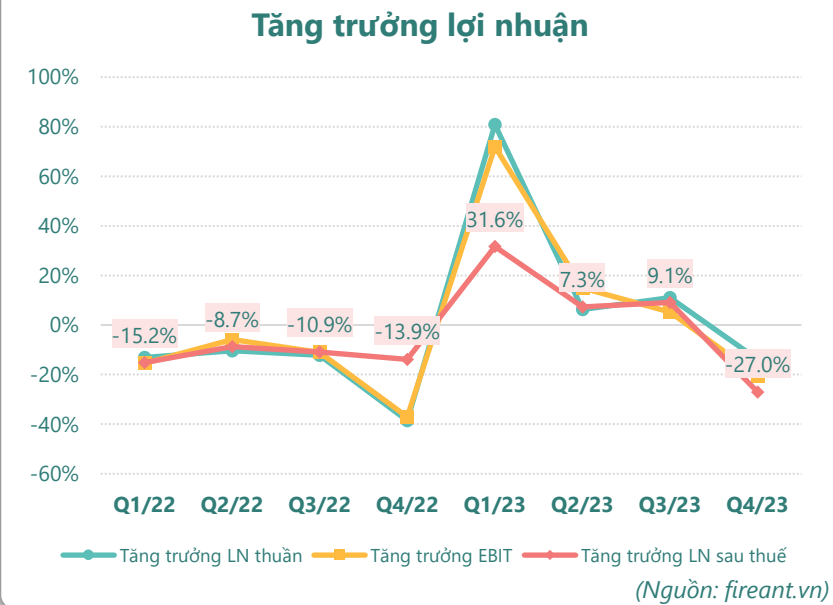
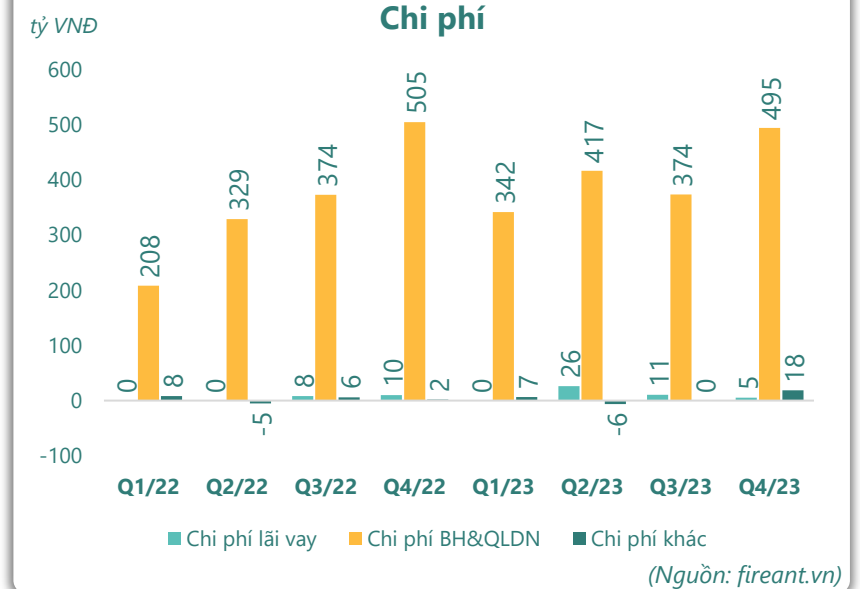
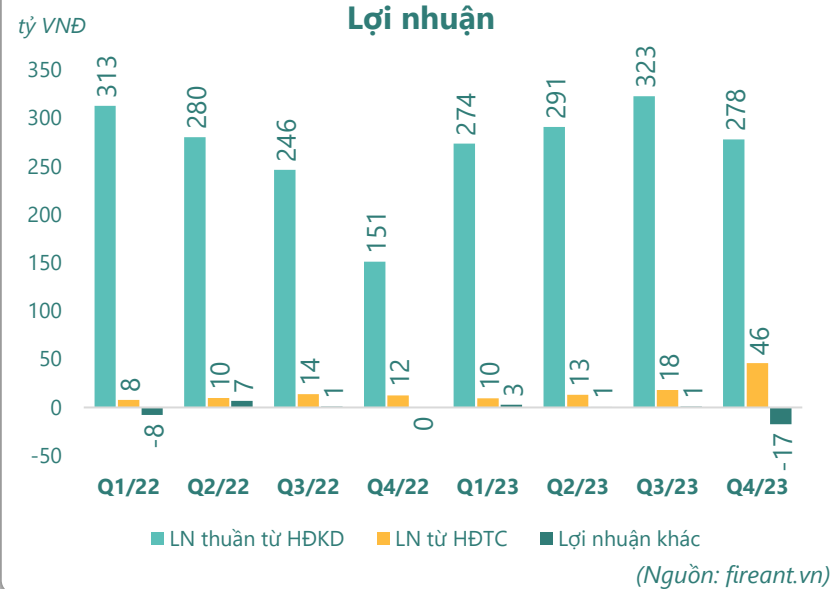
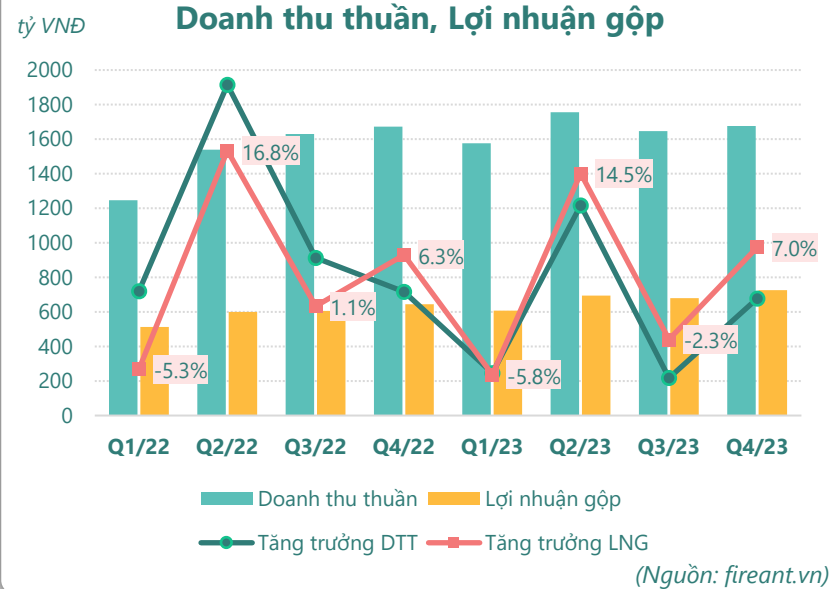
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Blue Point
- CTCP Chứng Khoán Vietcap
- Daytona investments pte. Ltd.
- Đặng Phạm Minh Loan (Thành viên HĐQT)
- Đinh Quang Hoàn (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

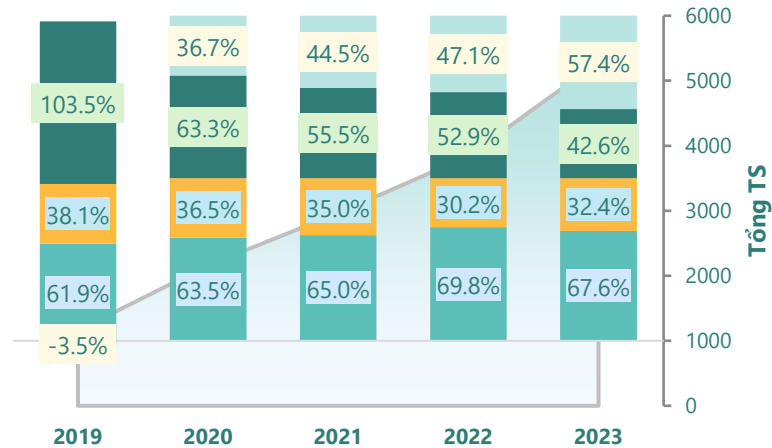
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

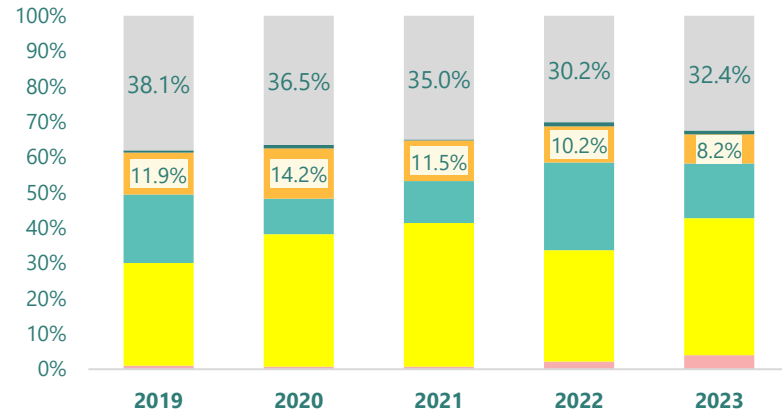


2019 2020 2021 2022 2023

■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



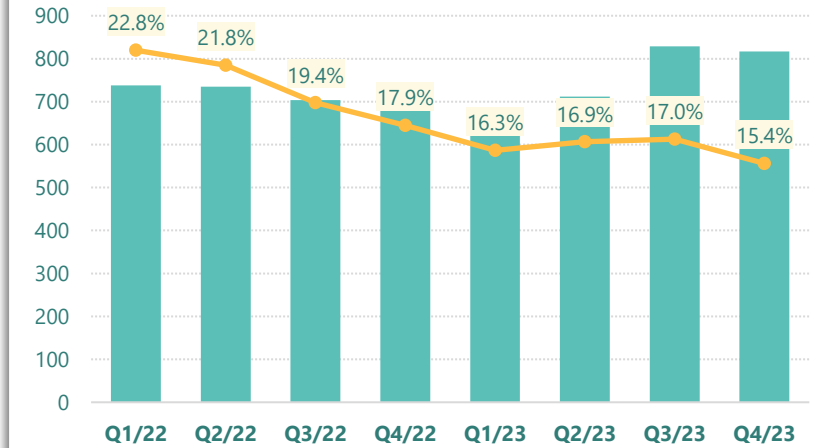
■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn

■ Hàng tồn kho ■ Tài sản ngắn hạn khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

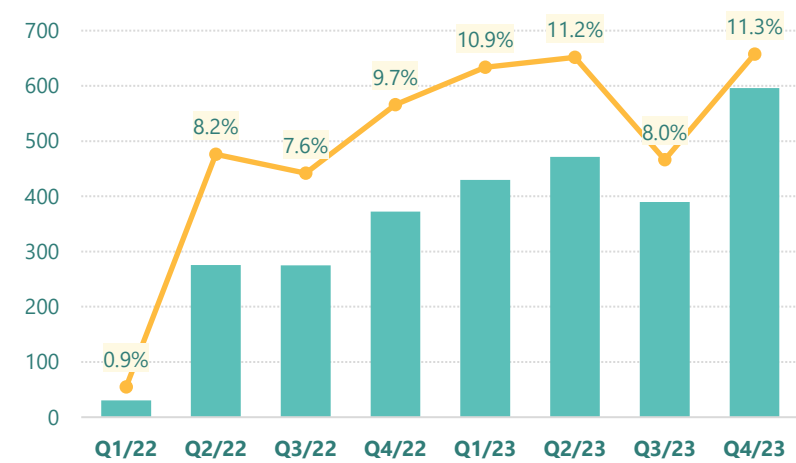


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

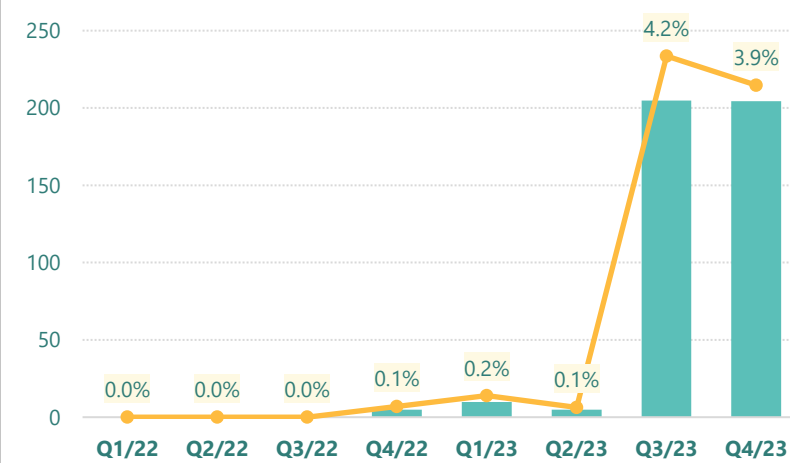


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

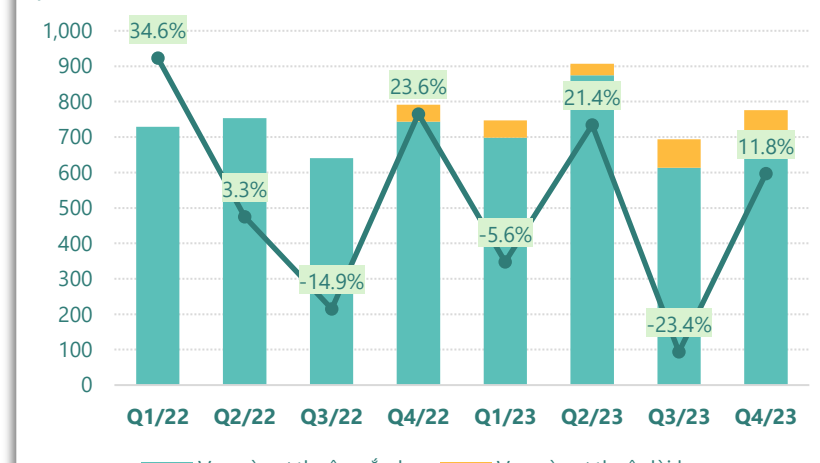


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

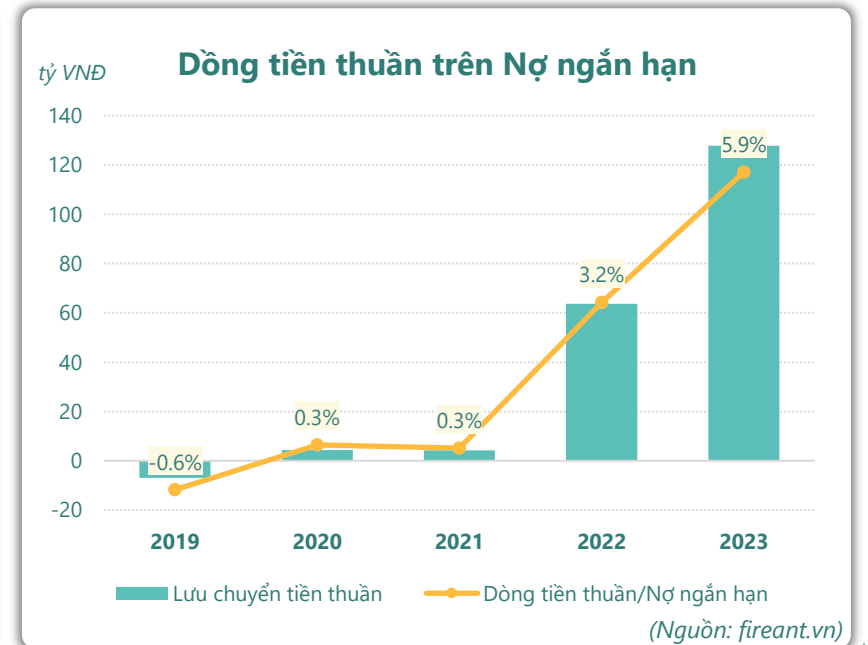
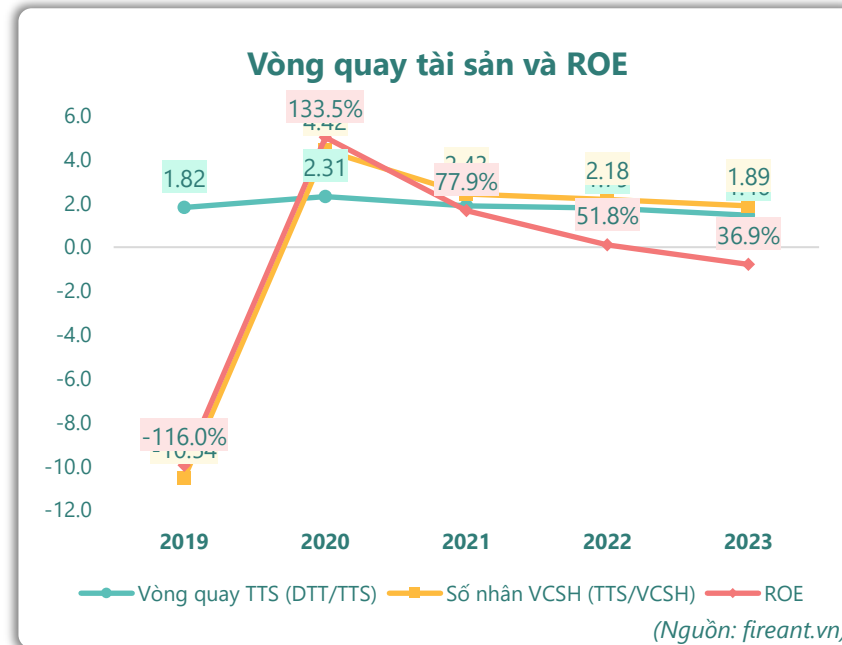
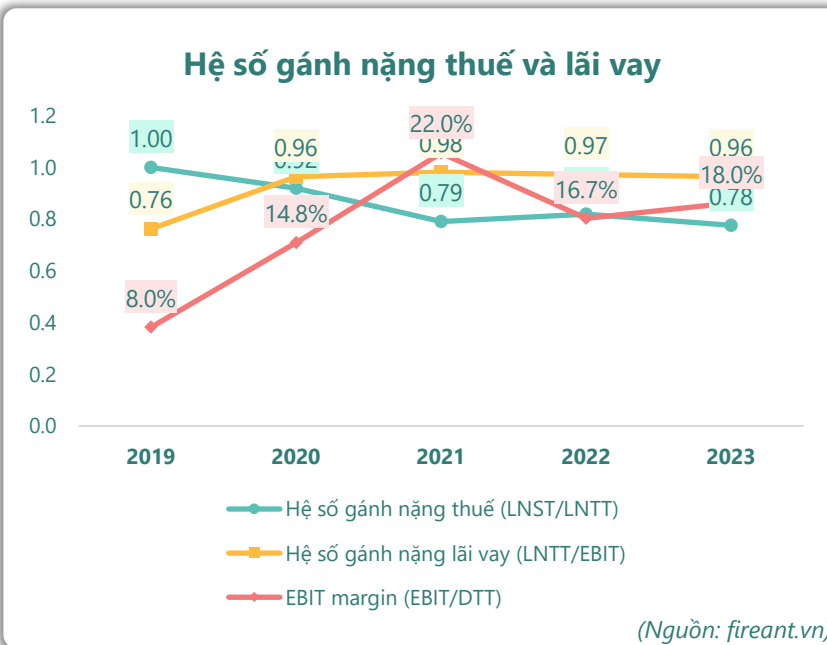
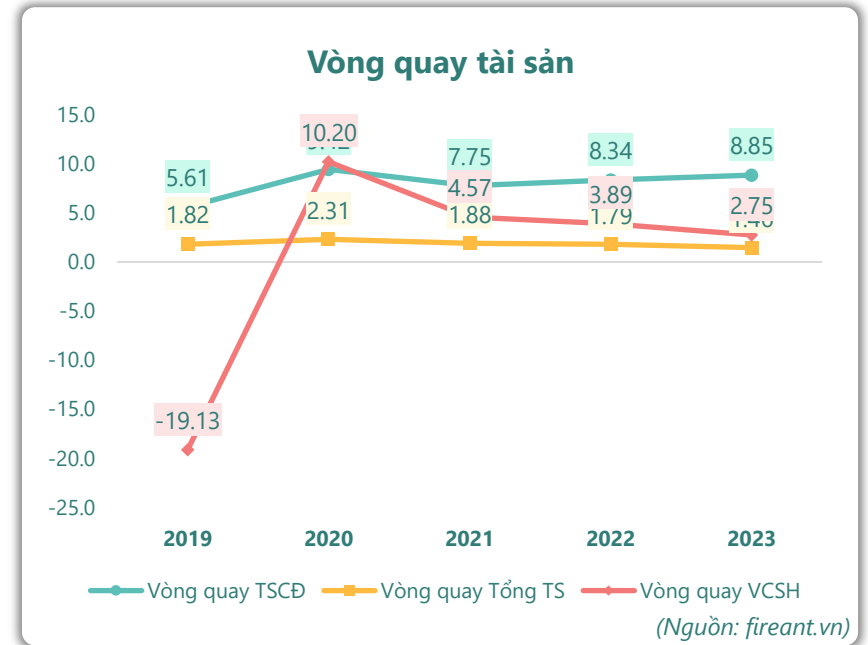
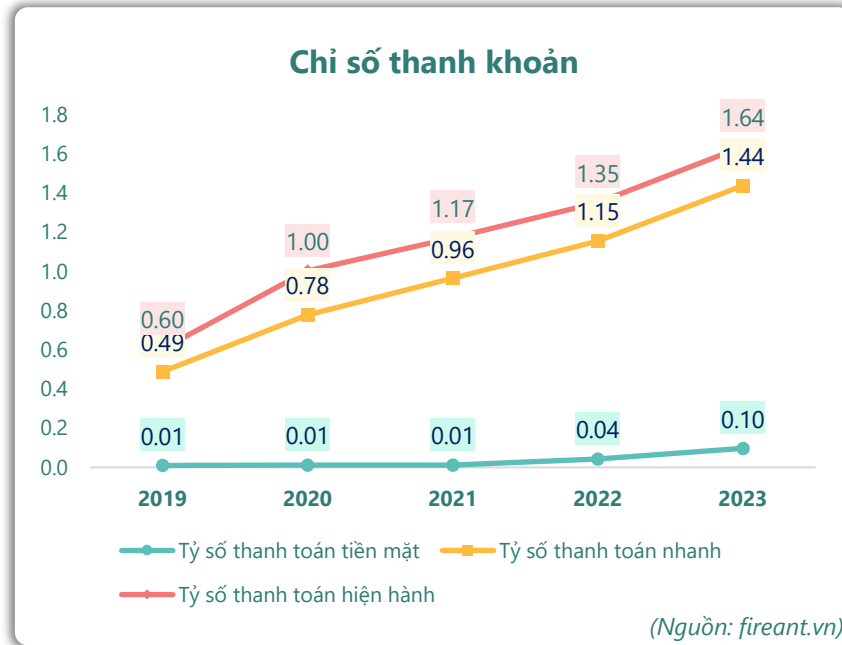
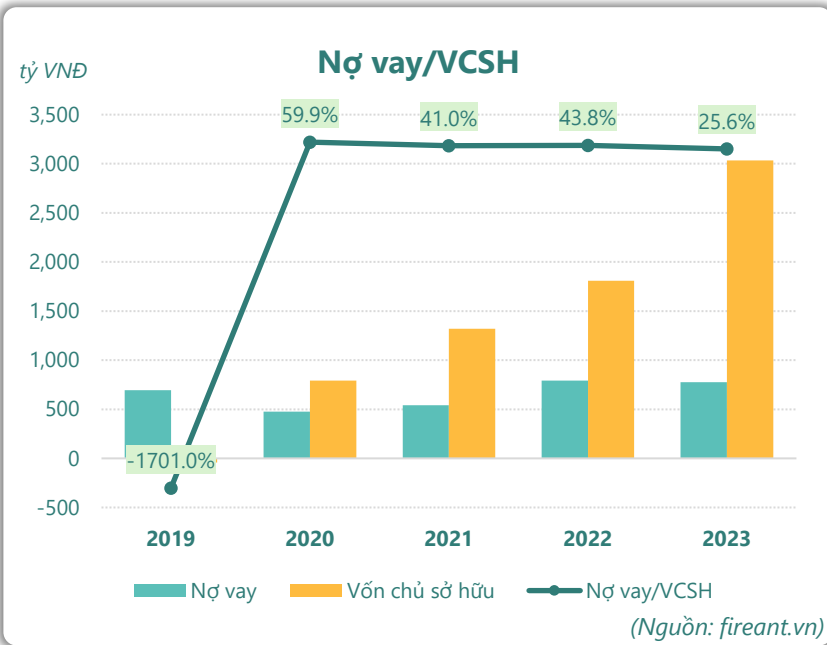
tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn — Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,677	1,672	0.3%	6,655	6,086	9.3%
Giá vốn hàng bán	950	1,028	-7.6%	3,948	3,723	6.0%
Lợi nhuận gộp	727	644	12.8%	2,707	2,363	14.5%
Doanh thu HĐTC	51.7	32.6	58.5%	146	101	44.1%
Chi phí TC	5.52	20.1	-72.5%	59.2	57.3	3.3%
Chi phí lãi vay	5.48	9.88	-44.5%	42.5	27.5	54.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	467	479	-2.5%	1,451	1,282	13.2%
Chi phí QLDN	27.9	26.7	4.5%	177	134	32.0%
LN thuần từ HĐKD	278	151	84.1%	1,165	991	17.6%
Lợi nhuận khác	-17.3	-0.43	-3919%	-13.0	-0.78	-1567%
LN trước thuế	261	151	72.7%	1,152	990	16.4%
Lợi nhuận sau thuế	186	166	12.3%	894	810	10.3%
LNST của CĐ cty mẹ	186	166	12.3%	894	810	10.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-323	286	73.8	564	254	422
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	339	-1,387	-17.7	-262	-649	-472
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-32.7	1,118	-44.7	-109	431	-61.7
Tiền đầu kỳ	93.7	67.5	84.1	94.8	288	313
Lưu chuyển tiền thuần	-16.3	17.8	11.4	192	35.9	-112
Ảnh hưởng tỷ giá	-9.85	-1.28	-0.75	0.64	-0.80	0.85
Tiền cuối kỳ	67.5	84.1	94.8	288	313	212

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	5,288	3,840	37.7%
Tài sản ngắn hạn	3,573	2,682	33.2%
Tiền và tương đương tiền	212	84.1	152%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,048	1,209	69.5%
Phải thu ngắn hạn	816	954	-14.5%
Hàng tồn kho	435	390	11.6%
Tài sản ngắn hạn khác	61.1	45.0	35.6%
Tài sản dài hạn	1,715	1,158	48.1%
Phải thu dài hạn	5.51	3.61	52.9%
Tài sản cố định	817	687	19.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	596	372	60.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	204	4.85	4110%
Tài sản dài hạn khác	92.6	91.1	1.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,254	2,033	10.9%
Nợ ngắn hạn	2,182	1,984	10.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	705	743	-5.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	737	663	11.2%
Nợ dài hạn	71.4	48.5	47.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	71.4	48.5	47.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,035	1,807	67.9%
Vốn chủ sở hữu	3,035	1,807	67.9%
Vốn điều lệ	614	590	4.1%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

